

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/ DS -ST

Ngày: 10 - 06 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hải

Ông Thẩm Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 10/06/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST- DS ngày 08 tháng 04 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST - DS ngày 23 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Tiến Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu V, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: anh Hà Ngọc S, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu A, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị S trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: khu V, xã M, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Đặng Tiến Q, sinh năm 1981 theo giấy ủy quyền ngày 05/05/2025, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Bà Hà Thị Lan H, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa phía nguyên đơn là anh Đặng Tiến Q trình bày:

Do mối quan hệ quen biết với anh Hà Ngọc S nên vào năm 2009 anh Q không nhớ rõ cụ thể ngày tháng nào, anh và vợ anh là Nguyễn Thị H có cho anh Hà Ngọc S vay số tiền 20.000.000 đồng với mục đích để anh S chi tiêu cá nhân. Khi vay là chỗ bạn bè quen biết nên hai bên không viết giấy biên nhận. Anh S có hẹn với vợ chồng anh Q là vay nóng vài hôm sẽ trả. Tuy nhiên, vợ chồng anh đã đi lại đòi anh S nhiều lần nhưng anh S không trả. Ngày 16/11/2023, anh S có viết giấy nhận nợ cho vợ chồng anh, hẹn cuối năm 2023 sẽ trả nợ cho vợ chồng anh. Nhưng kể từ đó đến nay mặc dù vợ chồng anh đã đòi nhiều lần nhưng anh S vẫn không trả cho vợ chồng anh khoản tiền nào. Nay anh Đặng Tiến Q đề nghị anh Hà Ngọc S phải trả lại cho vợ chồng anh số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng), anh không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Hà Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai đã trình bày quan điểm của mình như sau: Khoảng năm 2009 anh có vay của vợ chồng anh Đặng Tiến Q và chị Nguyễn Tiên H số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng). Khi vay anh không viết giấy nhận nợ, nhưng do thời gian dài anh không trả được nợ nên ngày 16/11/2023 anh có viết giấy nhận nợ cho vợ chồng anh chị Q H số tiền nhận nợ là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là đến tháng 12/2023 anh S sẽ trả nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chưa trả được cho anh Q chị H số tiền 20.000.000 đồng. Đối với giấy nhận nợ ngày 16/11/2023 anh khẳng định đây là do anh viết chữ ký và tên trong giấy nhận nợ là của anh. Nay anh chị Q H yêu cầu anh trả nợ số tiền 20.000.000 đồng anh đề nghị cho anh được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 6/2025 thời hạn trả vào 15 hàng tháng và anh xin không yêu cầu tính lãi suất. Đây là khoản nợ của riêng anh không liên quan tới ai khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Ngọc S nhất trí với ý kiến của anh S, do anh S có điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị phía anh Q, chị H tạo điều kiện cho anh S trả dần tiền gốc mà anh S đã vay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H đại diện anh Đặng Tiến Q thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn là anh Đặng Tiến Q. Nay chị H đề nghị anh Hà Ngọc S phải trả lại cho vợ chồng anh chị số tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), chị không yêu cầu tính lãi suất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị H nhất trí với quan điểm của chị H. Phía chị H đề nghị anh Hà Ngọc S có nghĩa vụ trả dần cho vợ chồng chị khoản nợ trên nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Hà Ngọc S phải có nghĩa vụ trả cho anh Đặng Tiến Q và chị Nguyễn Thị H số tiền gốc mà anh S còn nợ chị H và anh Q là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đặng Tiến Q khởi kiện đòi anh Hà Ngọc S phải trả số tiền gốc mà anh S đã vay của vợ chồng anh là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Trong quyết định đưa vụ án xét xử có ghi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa là bà Đinh Thị Hoài T. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu hồ sơ Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y xét thấy vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y không tham gia là phù hợp.

Về sự có mặt của đương sự: Anh Hà Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Ngọc S là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay: Vào năm 2009, anh Hà Ngọc S có vay của vợ chồng anh Đặng Tiến Q và chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng), đến hạn anh S không trả được cho chị H và anh S nên vào ngày 16/11/2023 viết giấy biên nhận nợ với nội dung anh S vay của anh Q, chị H số tiền 20.000.000 đ đồng là có thật. Điều này đã được các bên đương sự thừa nhận, anh S có viết giấy xác nhận nợ cho anh Q và chị H. Do vậy, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình vay mặc dù anh Q, chị H đã đòi nhiều lần nhưng anh S chưa trả được cho chị H và anh Q khoản tiền gốc và lãi nào do điều kiện kinh tế khó khăn. Đến nay, anh S xin trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 6/2025, vào ngày 15 hàng tháng cho anh Q, chị H nhưng phía anh Q, chị H không đồng ý. Do vậy, cần buộc anh S phải có trách nhiệm trả cho anh Q, chị H số tiền gốc đã vay là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Anh Đặng Tiến Q và chị Nguyễn Thị H không đề nghị tính lãi nên không đặt ra giải quyết.

Từ các căn cứ trên, buộc anh Hà Ngọc S phải thanh toán cho anh Đặng Tiến Q và chị Nguyễn Thị H số tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của anh Đặng Tiến Q được chấp nhận nên anh Hà Ngọc S phải chịu án phí sơ thẩm, tuy nhiên do anh S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại cho anh Đặng Tiến Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004367 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Tiến Q.

1. Buộc anh Hà Ngọc S phải trả cho anh Đặng Tiến Q và chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Ngọc S được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại cho anh Đặng Tiến Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004367 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

